

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2023

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh B, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp 6, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị N có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/10/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị N trình bày:

Chị và anh B chung sống vợ chồng năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 30/01/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng gay gắt. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh B sống không chung thủy với chị, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác rồi

về nhà kiểm chuyện gây sự với chị rất nhiều lần, từ đó làm cho cuộc sống của vợ chồng không có hạnh phúc.

Thời gian qua vì không muốn hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của con nên chị luôn nhường nhịn anh B trong cuộc sống và khuyên anh B nên sửa đổi tính tình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau lo làm nuôi con. Nhưng chị càng cố gắng bao nhiêu thì cuộc sống của vợ chồng cũng không có hạnh phúc mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Hiện tại, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn được nữa nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh B.

Về con chung: Có hai người con chung tên V, sinh ngày 08/9/2004 và H, sinh ngày 29/4/2019. Ly hôn chị đồng ý giao cháu H cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng vì chị chưa có nghề nghiệp ổn định. Riêng cháu V đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị N có đơn xin vắng mặt. Anh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N và anh B theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N với anh B chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang vào ngày 30/01/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh B là hợp pháp. Chị N xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như trên, làm cho tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu xin ly hôn với anh B. Nhưng anh B cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu xin ly hôn của chị N nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị N có căn cứ, phù

hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị N và anh B có hai người con chung tên V, sinh ngày 08/9/2004 và H, sinh ngày 29/4/2019.

Xét chị N yêu cầu giao cháu H cho anh B nuôi dưỡng, thấy rằng: Cháu H đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng muốn sống với anh B nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H, Hội đồng xét xử thấy cần phải giao cháu H cho anh B nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Riêng cháu V đã thành niên, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét anh B không có yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không giải quyết nếu sau này có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Nợ chung: Chị N xác định không có nợ chung, anh B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh B.
2. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 29/4/2019 cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017081 ngày 28/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị N đã thi hành xong án phí.

4. Chị N, anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức